

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08 /2021/HNGĐ-ST**

Ngày 08 - 9 - 2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lã Văn Minh, bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Đặng Bá Hưng - Kiểm sát viên;

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX- ST ngày 05 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐXX- ST ngày 24 tháng 8 năm 2021, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Hà Thị V, sinh năm 1997; Có mặt
Nơi cư trú : Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

*** Bị đơn:** Anh Vi Văn T, sinh năm 1991; Vắng mặt không có lý do
Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vi Văn T vào ngày 28 tháng 9 năm 2016, trước khi cưới hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là xã V), huyện S. Cưới xong chị về gia đình anh T ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Xảy ra từ tháng 02 năm 2017, do tính cách sống hai người không hợp, bảo nhau không ai nghe ai trong chuyện làm ăn phát triển kinh tế nên vợ chồng cãi nhau và anh T đánh chị nhiều lần; từ đó tình cảm vợ chồng

ngày càng trầm trọng, không cải thiện được; vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai nữa và chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Tuấn được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vi Như Th, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016, hiện đang ở cùng chị từ ngày vợ chồng sống ly thân; vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung; về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu. Hiện nay chị đang làm công nhân, có mức thu nhập khoảng 12.000.000đ/tháng, chị bảo đảm việc nuôi con chung nếu được giao.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt tại nơi cư trú; Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử giao cho gia đình anh T và niêm yết tại địa phương để anh T biết đến làm việc tại Tòa án; gia đình anh T chỉ biết anh T đi làm Công ty ở tỉnh B từ tháng 02 năm 2021, gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại và đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T không chấp hành đến làm việc và cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

* Tại phiên toà chị Hà Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn và giải quyết con chung theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, bị đơn không chấp hành là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị V và anh Vi Văn T được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị Hà Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vi Như Th, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016; về cấp dưỡng nuôi con chị V không có yêu cầu. Anh T có quyền thăm con sau ly hôn, không ai được cản trở anh T.

Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị V khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Vi Văn T, hiện anh T đang cư trú tại xã V, huyện S. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ các văn bản lần thứ 2 nhưng bị đơn anh Vi Văn T vẫn vắng mặt tại phiên tòa; vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn chị Hà Thị Viên cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định: Chị Hà Thị V kết hôn với anh Vi Văn T vào ngày 25 tháng 10 năm 2016, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau và cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là xã V), huyện S; cưới xong chị V về gia đình anh T ở làm dâu luôn luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp.

Quá trình chị V và anh T chung sống với nhau thì đã xảy ra mâu thuẫn từ tháng 02 năm 2017, do tính cách sống hai người không hợp, bảo nhau không ai nghe ai trong chuyện làm ăn phát triển kinh tế nên hay cãi nhau và anh T đánh chị V nhiều lần; từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không cải thiện được; vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai nữa và chị V đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, chị V và gia đình anh T hiện đều không biết anh T đang sống làm gì cụ thể ở địa chỉ nào, gia đình chỉ biết làm công ty ở Bắc Giang, gia đình anh Tuấn chỉ liên lạc được cho anh T qua điện thoại và đã thông báo cho anh T được biết về việc Tòa án triệu tập, anh T dấu không cho biết địa chỉ và kiên quyết không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Xét thấy, lời khai của chị V, người nhà anh T cung cấp và xác minh tại UBND xã V thì thấy: Anh T đã tự bỏ đi làm ăn nên thường xuyên không có mặt tại gia đình, anh T đã không quan tâm giúp đỡ đến vợ và không quan tâm, chăm sóc con; như vậy anh Tuấn đã vi phạm nghĩa vụ sống chung với nhau, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị V, cho chị V và anh T được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị V, anh T có 01 con chung là cháu Vi Như Th, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016, hiện đang ở cùng chị V; vợ chồng ly hôn chị V có nguyện vọng nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu. Hiện nay chị đang làm công nhân, có mức thu nhập khoảng 12.000.000đ/tháng, chị bảo đảm việc nuôi con chung nếu được giao. Xét thấy, anh T đi làm ăn thường xuyên vắng mặt tại gia đình, từ ngày vợ chồng sống ly thân thì cháu Th do chị Viên chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo; do đó chị V có đủ điều kiện nuôi con nên cần giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị V yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Hà Thị V và anh Vi Văn T được ly hôn nhau.

[2] *Về con chung:* Giao cho chị Hà Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vi Như Th, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016; về cấp dưỡng nuôi con chị V không có yêu cầu.

Anh T có quyền thăm con sau ly hôn, không ai được cản trở anh T.

[3] *Về án phí:* Chị Hà Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/007330 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Vĩnh An;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu .

Trần Văn Toàn